

Bản án số: 14/2025/HS-PT
Ngày 15-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K, Nguyễn Trương Quang K1, Phan Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trương Ngọc T**, sinh năm 2003, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trương Văn C và bà Ngô Thị Lệ H (Chết); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số: 48/2019/HSST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, xử phạt Trương Ngọc T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến 14/6/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho tại ngoại đến nay, có mặt.

2. **Đặng Mai Hoàng T1** (Tên gọi khác: Thảo M), sinh năm 2002, tại tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Khu V, Phường D, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Đặng Hoàng S (Chết) và bà Mai Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến

14/6/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho tại ngoại đến nay, có mặt.

3. **Nguyễn Trương Quang K**, sinh năm 2003, tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Quang H2 và bà Trương Thị Bích T2; có vợ tên Nguyễn Thùy L và có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại để điều tra, có mặt.

4. **Nguyễn Trương Quang K1**, sinh năm 2001, tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Quang H2 và bà Trương Thị Bích T2; bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại để điều tra, có mặt.

5. **Phan Văn N**, sinh ngày 18/7/2005, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phan Văn N1 và bà Nguyễn Ngọc T3; bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại để điều tra cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra, còn có 16 bị cáo khác là Nguyễn Tấn T4, Lê Văn T5, Đặng Hiếu T6, Nguyễn Ngọc Q, Lê Tấn N2, Hồ Quốc T7, Trần Quốc T8, Danh Ngọc S1, Huỳnh Thanh P, Lê Phạm Thành D, Nguyễn Chiến H3, Huỳnh Phương Anh T9, Nguyễn Chí N3, Huỳnh Quốc H4, Trương Công P1.

Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo không triệu tập: Bị hại: Đặng Hiếu T6; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trương Dương L1, Trần Minh P2, Bùi Bảo D1, Nguyễn Võ Tuấn A, Nguyễn Văn K2, Trương Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa Nguyễn Tấn T4 và Lê Tuấn K3. Ngày 25/12/2023, Nguyễn Tấn T4 và Lê Tuấn K3 (sinh ngày 31/7/2006) điện thoại hẹn gặp nhau vào lúc 00 giờ ngày 26/12/2023 tại khu vực Siêu thị C1 tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An để đánh nhau. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T4 điện thoại rủ Lê Văn T5, Phan Văn N, Hồ Quốc T7 (sinh ngày 20/7/2007), Lê Phạm Thành D, Trương Dương L1 (sinh ngày 15/02/2008) ra quán C2 uống nước. Tại đây, T4 kể việc hẹn giải quyết mâu thuẫn với K3 nên rủ T5, N, T7, D và L1 cùng đi đánh nhau thì tất cả đồng ý. Để chuẩn bị đánh nhau, T4, T7, T5 và N hùn tiền mua được 10 cây sắt, mỗi cây dài 2m với giá 300.000 đồng, N và L1 sử dụng 10 cây sắt, 10 đầu chìa 03 chia dùng máy hàn để hàn thành 10 cây chìa 3 chia. Sau đó, T4 rủ thêm Đặng Hiếu T6 (sinh ngày 01/6/2007), Nguyễn Ngọc Q, Lê Tấn N2 (sinh ngày 10/10/2006), Trần Quốc T8, Danh Ngọc S1 (sinh ngày 27/7/2007), Huỳnh Thanh P (sinh ngày 21/3/2006), Nguyễn Lâm Hoàng P3,

Nguyễn Chiến H3, Trần Minh P2 (sinh ngày 17/8/2008) cùng đi đánh nhau với K3 thì tất cả đồng ý và hẹn 23 giờ sẽ tập hợp tại Trạm thu phí cao tốc B1 để xuất phát. T4 vào khu Phú An T10 lấy thêm 3 cây chĩa 3 chia cùng 10 cây chĩa hàn được, rồi đem 13 cây chĩa giấu ở bụi cỏ gần cổng ấp A, xã A, huyện B. Đến khoảng 23 giờ 40 cùng ngày, nhóm của T4 tập hợp tại khu vực trạm thu phí cao tốc B1 cùng một số đối tượng không rõ nhân thân xuất phát. S1 điều khiển xe mô tô Exciter biển số 62B1-438.58 chở T6 và T4; N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 62N1-774.48 chở 01 người không rõ nhân thân; N2 điều khiển xe mô tô Future biển số 62N1-862.23 chở T7 và T8; P3 điều khiển xe mô tô Wave (không rõ biển số) chở D; P2 điều khiển xe Wave biển số 62F8-4726 chở L1; 01 người không rõ nhân thân điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở P; 01 người không rõ nhân thân điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh (không rõ biển số) chở H3 và Q; T5 ngồi trên xe du lịch 04 chỗ màu trắng do người T11 (không rõ nhân thân) điều khiển chở khoảng 07 người (không rõ nhân thân) và một số đối tượng (không rõ nhân thân) điều khiển xe cùng đi đến điểm hẹn. Trên đường đi, P ghé vào 01 bụi cây ven đường lấy 01 cây giáo do P đem giấu trước đó, S1 chở T4 đến chỗ giấu hung khí lấy 13 cây chĩa 03 chia, T4 giữ 01 cây, còn lại T6, H3, Q, T7, T8, D, L1 cùng 01 số người không rõ nhân thân mỗi người 01 cây chĩa, T5 đem theo 01 khẩu súng Zp5 có 05 viên đạn cao su. Nhóm của T4 đến điểm hẹn Siêu thị C3.opmark nhưng không gặp nhóm của K3, nhóm T4 tiếp tục lưu thông qua cầu B đến ngã tư B cũng không thấy nhóm của K3 nên quay lại.

Còn K3 sau khi hẹn với T4 thì điện thoại cho Đặng Mai Hoàng T1 kể lại việc hẹn đánh nhau với T4 và rủ T1 đi chung thì T1 đồng ý. Đến tối ngày 25/12/2023, K3 điện thoại cho T1, Huỳnh Phương Anh T9, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Nguyễn Chí N3 (sinh ngày 20/7/2006) đi đánh nhau với nhóm T4 thì tất cả đồng ý. Đến khoảng 23 giờ, K3 chuẩn bị hung khí, tập trung nhóm của K3 tại trại gà thuộc ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Khoảng 23 giờ 40 phút, T9 rủ thêm Nguyễn Văn K2 (sinh ngày 31/12/2007), Huỳnh Quốc H4, Trương Công P1, Nguyễn Võ Tuấn A. Đối với Bùi Bảo D1, Trương Ngọc T và một số đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch khi nghe nhóm của K3 chuẩn bị đi đánh nhau với nhóm của T4 thì tự nguyện cùng tham gia. Nhóm của K3 lấy hung khí do K3 chuẩn bị trước và một số hung khí không xác định được do ai đem đến, bỏ trước cổng trại gà. Lúc này, T và T1 kêu những người nhỏ tuổi ở lại trại gà không đi đánh nhau nên chỉ có T, T9, T1, P1, H4, K1, K và N3 và một số đối tượng không rõ nhân thân xuất phát đi, còn K3 ở lại trại gà. K2 điều khiển xe mô tô Vision (không rõ biển số) chở T1 cầm 01 cây rựa và T9 cầm 01 cây chĩa 03 chia; D1 điều khiển xe mô tô Sirius màu trắng 62N1-748.48 chở N3 cầm 01 con dao; 01 thanh niên (không rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô Vision màu xanh (không rõ biển số) chở T cầm chĩa 03 chia; 01 thanh niên (không rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô Vision (không rõ biển số) chở H4 cầm 01 con dao; 01 thanh niên (không rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô Future màu trắng (không rõ biển số) chở P1 không cầm hung khí; 01 thanh niên (không rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô Sirius (không rõ biển số) chở K cầm theo 02

con dao bỏ trong bao vọt cầu lông; 01 thanh niên (không rõ nhân thân) điều khiển xe hiệu Vision màu đen (không rõ biển số) chở K1 cầm 03 chai bia cùng khoảng 5 người không rõ nhân thân. Trên đường đi, T9 nhặt 01 kết vỏ chai nước ngọt để ven đường. Khi nhóm T chạy ra Q thì phát hiện nhóm T4 đang lưu thông xuống cầu B đến hệ thống đèn tín hiệu giao thông ngay Siêu thị C1 vòng ngược lại về hướng chợ B2. Nhóm của T rượt theo nhóm T4, cả hai nhóm đậu xe lại gần chốt đèn giao thông Siêu thị C1 rồi cả 02 nhóm xuống xe, cầm hung khí rượt đuổi nhau chạy theo nhiều hướng. T9 cùng người nhóm của T lấy vỏ chai nước ngọt ném vào nhóm của T4 không rõ có trúng ai hay không, T6 cầm chìa 03 chia đứng đối diện đâm T nhưng không trúng, T cầm chìa 03 chia đâm T6 01 cái trúng đùi, T6 tiếp tục cầm chìa 03 chia đâm T9, T9 giật lấy cây chia quơ ngang đâm lại T6 01 cái trúng vào vùng mặt, T6 bỏ chạy thì bị té thì bị người thanh niên (không rõ nhân thân) đi chung với K chém 01 cái vào vùng nách bên phải của T6, T6 bỏ chạy vào hẻm X. Khi cả 2 nhóm đang rượt đuổi lộn xộn thì T5 ngồi trong xe ô tô, loại 04 chỗ (đậu gần hệ thống đèn tín hiệu giao thông) bấm kính xuống dùng súng Zp5 bắn nhiều phát chỉ thiên nên cả 02 nhóm chạy tẩu thoát nhiều hướng và vứt hung khí tại hiện trường. T6 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ đến ngày 02/01/2024 xuất viện.

Tại Kết luận giám định pháp y số 216/KKTTCT-TTPY ngày 24/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ thương tích của Đặng Hiếu T6 tại thời điểm giám định là 16%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn T4, Lê Văn T5, Phan Văn N, Đặng Hiếu T6, Nguyễn Ngọc Q, Lê Tân N2, Hồ Quốc T7, Trần Quốc T8, Danh Ngọc S1, Huỳnh Thanh P, Lê Phạm Thành D, Nguyễn Chiến H3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ thi hành án.

2. Tuyên bố các bị cáo Đặng Mai Hoàng T1, Huỳnh Phương Anh T9, Trương Ngọc T, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Nguyễn Chí N3, Huỳnh Quốc H4, Trương Công P1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”.

2.1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đặng Mai Hoàng T1 02 (hai) năm tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đặng Mai Hoàng T1 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Đặng Mai Hoàng T1 phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 17/01/2024 đến ngày 14/6/2024.

2.2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trương Ngọc T 02 (hai) năm tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trương Ngọc T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Trương Ngọc T phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 17/01/2024 đến ngày 14/6/2024.

2.3. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K1 02 (hai) năm tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K1 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Nguyễn Trương Quang K1 phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

2.4. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K 02 (hai) năm tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Nguyễn Trương Quang K phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 bị cáo Phan Văn N kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích” và bị cáo Phan Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là đúng, không oan. Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phan Văn N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N thực hiện kháng cáo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung: Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 318 và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 314 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Văn N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N mỗi bị cáo 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; các Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K mỗi bị cáo 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo Trương Ngọc T 02 năm 03 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Phan Văn N kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra. Các bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ

mới ngoài các tình tiết cấp sơ thẩm áp dụng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Văn N: Bị cáo kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị bệnh, có người thân là ông bác là Liệt sĩ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là có tổ chức, chuẩn bị hung khí để gây rối trật tự công cộng, nên không có căn cứ để hưởng án treo theo yêu cầu của bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn N trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật như cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha của bị cáo bệnh nặng, hiện nay bị cáo có việc làm để phụ giúp gia đình. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội khi tuổi đời còn trẻ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N kháng cáo trong thời hạn của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Nhóm của bị cáo T4: Bị cáo T4 điện thoại rủ các bị cáo Lê Văn T5, Phan Văn N, Hồ Quốc T7, Lê Phạm Thành D, Trương Dương L1 tham gia đánh nhau thì tất cả đồng ý. Để chuẩn bị đánh nhau, các bị cáo T4, T7, T5 và N hùn tiền mua được 10 cây sắt, mỗi cây dài 2m với giá 300.000 đồng, N và L1 sử dụng 10 cây sắt, 10 đầu chĩa 03 chia dùng máy hàn để hàn thành 10 cây chĩa 3 chia. Sau đó, bị cáo T4 rủ thêm Đặng Hiếu T6, Nguyễn Ngọc Q, Lê Tấn N2, Trần Quốc T8, Danh Ngọc S1, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Lâm Hoàng P3, Nguyễn Chiến H3, Trần Minh P2 cùng tham gia đánh nhau thì tất cả đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 40 cùng ngày, nhóm của T4 tập hợp tại khu vực trạm thu phí

cao tốc B1 để đi đến điểm hẹn tại Siêu thị C3.opmark nhưng không gặp nhóm của K3. Nhóm của T4 tiếp tục lưu thông qua cầu B đến ngã tư B để tìm nhóm của K3 nhưng không gặp nên quay lại về hướng thị trấn B.

[3] Nhóm của bị cáo K3: Bị cáo K3 điện thoại rủ Đặng Mai Hoàng T1, Huỳnh Phương Anh T9, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Nguyễn Chí N3 đi đánh nhau với nhóm của T4 thì tất cả đồng ý. Đến khoảng 23 giờ, nhóm của K3 tập trung tại trại gà ở ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Tại đây, T9 rủ thêm Nguyễn Văn K2, Huỳnh Quốc H4, Trương Công P1, Nguyễn Võ Tuấn A tham gia đánh nhau thì tất cả đồng ý; đối với Bùi Bảo D1, Trương Ngọc T khi nghe K3 nói đánh nhau với nhóm của T4 thì tự nguyện tham gia cùng với nhóm của K3. Nhóm của K3 lấy hung khí do K3 chuẩn bị trước và một số hung khí không xác định được do ai đem đến, bỏ trước cổng trại gà cùng đi đến theo hướng Siêu thị C3.opmark. Khi nhóm của K3 chạy ra Q thì phát hiện nhóm T4 đang lưu thông xuống cầu B đến hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại Siêu thị C3.opmark B vòng ngược lại về hướng chợ B2. Nhóm của K3 rượt theo nhóm của T4, cả hai nhóm đậu xe lại gần chốt đèn giao thông Siêu thị C1 rồi cả hai nhóm xuống xe, cầm hung khí rượt đuổi nhau chạy theo nhiều hướng. T9 cùng người nhóm của K3 lấy vỏ chai nước ngọt ném vào nhóm của T4, không rõ có trúng ai hay không, T6 cầm chìa 03 chia đứng đối diện đâm T nhưng không trúng, T cầm chìa 03 chia đâm T6 01 cái trúng đùi, T6 tiếp tục cầm chìa 03 chia đâm T9, T9 giật lấy cây chìa quơ ngang đâm lại T6 01 cái trúng vào vùng mặt, T6 bỏ chạy bị té thì bị một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đi chung với K chém 01 cái vào vùng nách bên phải của T6, T6 bỏ chạy vào hẻm X. Khi cả hai nhóm đang rượt đuổi lộn xộn thì T5 ngồi trong xe ô tô, loại 04 chỗ (đậu gần hệ thống đèn tín hiệu giao thông) bấm kính xuống dùng súng Zp5 bắn nhiều phát chỉ thiên nên cả hai nhóm chạy tẩu thoát nhiều hướng và vút hung khí tại hiện trường. T6 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ đến ngày 02/01/2024 xuất viện.

[4] Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Với bản tính xem thường pháp luật, muốn giải quyết mâu thuẫn bằng con đường bạo lực. Nhóm của bị cáo T4 và nhóm của bị cáo K3 cùng nhau bàn bạc, chuẩn bị công cụ gồm dao, rựa, chìa...vv, tập trung nhiều người, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm mang tính tổ chức theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T4 và bị cáo K3 giữ vai trò tổ chức, các bị cáo còn lại trong nhóm của bị cáo T4 và nhóm của bị cáo K3 giữ vai trò thực hành, giúp sức. Các bị cáo trong nhóm của bị cáo T4 và nhóm của bị cáo K3 thực hiện hành vi phạm tội với lỗi có ý trực tiếp, đã xâm phạm đến trật tự hành chính của nhà nước được pháp luật bảo vệ.

[5] Đối với hành vi của nhóm bị cáo K3 gồm: Các bị cáo Đặng Mai Hoàng T1, Huỳnh Phương Anh T9, Trương Ngọc T, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Nguyễn Chí N3, Huỳnh Quốc H4, Trương Công P1,

Lê Tấn K4 có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Đặng Hiếu T6 với tỷ lệ thương tích 16%.

[6] Như vậy, hành vi nêu trên nhóm của bị cáo T4 và nhóm của bị cáo K4 đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội danh và hình phạt được quy định tại a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, hành vi của nhóm bị cáo K4 gồm: Các bị cáo Đặng Mai Hoàng T1, Huỳnh Phương Anh T9, Trương Ngọc T, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Nguyễn Chí N3, Huỳnh Quốc H4, Trương Công P1, Lê Tấn K4 đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo T1, T, K1, K, N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi phạm tội; các bị cáo tuổi đời còn trẻ, thiếu sự quan tâm giáo dục từ gia đình, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đặng Mai Hoàng T1, Trương Ngọc T, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K có bồi thường thiệt hại cho bị hại cho bị hại và đại diện bị hại có đơn bãi nại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “cố ý gây thương tích”, được áp dụng cho các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, Phan Văn N mỗi bị cáo 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; các Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K mỗi bị cáo 02 năm tù và bị cáo Trương Ngọc T 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Phan Văn N kháng cáo xin hưởng án treo.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, các bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[9] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Văn N: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội khi khi tuổi đời còn rất trẻ, mới qua tuổi 18. Ngoài ra, bị cáo kháng cáo có bổ sung thêm hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị tai nạn chấn thương tủy sống, không còn đi lại được thuộc diện trợ

cấp xã hội, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo có người thân là ông Phan Văn Q1 là Liệt sĩ, là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo; hiện nay bản thân bị cáo đang có việc làm để phụ giúp gia đình. Do đó, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội là phù hợp.

[10] Xét, chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên về yêu cầu kháng cáo của của các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K.

[11] Xét, chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Văn N, cho bị cáo N được hưởng án treo.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Phan Văn N không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận.

[13] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Trương Ngọc T, Đặng Mai Hoàng T1, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K; cho bị cáo Phan Văn N được hưởng án treo.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Mai Hoàng T1, Trương Ngọc T, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Phan Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1.1. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa

đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trương Ngọc T 02 (H5) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trương Ngọc T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Ngọc T phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 17/01/2024 đến ngày 14/6/2024.

1.2. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Đặng Mai Hoàng T1 02 (H5) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Đặng Mai Hoàng T1 02 (H5) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đặng Mai Hoàng T1 phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (B) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 17/01/2024 đến ngày 14/6/2024.

1.3. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K1 02 (H5) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K1 02 (H5) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Trương Quang K1 phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (B) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.4. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K 02 (H5) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trương Quang K 02 (H5) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Trương Quang K phải chấp hành chung cho 02 tội là 04 (B) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.5. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phan Văn N 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn N về Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo qui định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Mai Hoàng T1, Trương Ngọc T, Nguyễn Trương Quang K1, Nguyễn Trương Quang K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm .

Bị cáo Phan Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long an;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Long An
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng